

Biểu Phí Dịch Vụ HSBC Premier

A. TÀI KHOẢN TIỀN GỬI KHÔNG KỶ HẠN (VND VÀ NGOẠI TỆ)

Tài khoản mở tại HSBC Việt Nam	Miễn phí
Tài khoản đóng trong vòng 12 tháng kể từ ngày mở	1.000.000VND
Số dư tối thiểu khi mở tài khoản	1.000.000.000VND
Phi Dịch Vụ Premier	1.000.000VND / mỗi tháng (Chỉ tính phí nếu Tổng Giá Trị Tài Sản duy trì hàng tháng thấp hơn 1.000.000.000VND)
Phi đối với tài khoản không hoạt động + Từ 6 tháng đến 12 tháng + Trên 12 tháng	50.000VND/tháng/tài khoản 200.000VND/tháng/tài khoản

A1. GỬI TIỀN MẶT

VND	Miễn phí
Ngoại tệ	Miễn phí

A2. RÚT TIỀN MẶT

VND	Miễn phí
Ngoại tệ + USD + Ngoại tệ khác	0,22% (tối thiểu 44.000VND) 0,55% (tối thiểu 110.000VND)

A3. BẢNG SAO KÉ

Bản sao kê điện tử hàng tháng đối với khách hàng sử dụng Dịch Vụ Ngân Hàng Trực Tuyến	Miễn phí
Bản sao kê hàng tháng đối với khách hàng không sử dụng Dịch Vụ Ngân Hàng Trực Tuyến	Miễn phí
In các giao dịch chưa lập sao kê thông qua Dịch Vụ Ngân Hàng Qua Điện Thoại hoặc tại máy ATM của Ngân hàng HSBC	33.000VND/bản sao
In lại bản sao kê – trong vòng 12 tháng	55.000VND/bản/chu kỳ bản sao kê
In lại bản sao kê – trên 12 tháng	110.000VND/bản/chu kỳ bản sao kê

A4. THẺ THANH TOÁN QUỐC TẾ HSBC PREMIER VISA PLATINUM

Chi phí thường niên	Miễn phí
Chi phí rút tiền mặt	
Tại Việt Nam:	
+ Tại máy ATM của HSBC và tại máy ATM của Techcombank	Miễn phí
+ Tại máy ATM của mạng VISA/PLUS (*)	20.000VND/giao dịch
Tại nước ngoài:	
+ Tại máy ATM của HSBC	Miễn phí
+ Tại máy ATM của mạng VISA/PLUS (*)	60.000VND/giao dịch
Chi phí cấp lại số PIN	Miễn phí
Chi phí in bản sao hóa đơn giao dịch	100.000VND/bản
Chi phí cấp lại thẻ	Miễn phí
Chi phí khiếu nại và yêu cầu kiểm tra	200.000VND/trường hợp lỗi trong giao dịch là do Chủ thẻ
Chi phí quản lý áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ	2,5% số tiền trên mỗi giao dịch

(*) Việc rút tiền mặt tại hệ thống ATM của ngân hàng khác nằm trong mạng VISA/PLUS có thể sẽ bị tính thêm một khoản chi phí do ngân hàng đó quy định.

A5. DỊCH VỤ NGÂN HÀNG TỰ ĐỘNG

5.1 Dịch Vụ Ngân Hàng Qua Điện Thoại	Miễn phí
5.2 Dịch Vụ Ngân Hàng Trực Tuyến	Miễn phí
Phi thay thiết bị bảo mật	
Hết pin + Trong nước + Nước ngoài	Miễn phí 440.000VND
Mất hoặc hư hỏng + Trong nước + Nước ngoài	220.000VND 550.000VND

B. THẺ TÍN DỤNG HSBC PREMIER MASTERCARD

Chi Phí thường niên + Thẻ chính + Thẻ phụ	Miễn phí Miễn phí
Chi Phí ứng tiền mặt tại máy ATM	4% số tiền mặt ứng trước, tối thiểu 50.000VND
Khoản thanh toán tối thiểu	5% của số dư nợ cuối kỳ (tối thiểu 50.000VND) cộng với khoản nợ quá hạn.
Lãi suất (Lãi suất này có thể thay đổi cho phù hợp với các quy định của nhà nước)	2%/tháng (không áp dụng nếu không có khoản tiền mặt nào được ứng trước và toàn bộ số dư trên tài khoản được thanh toán trước ngày đáo hạn mỗi tháng)
Chi Phí chậm thanh toán	4% khoản nợ tối thiểu (tối thiểu 50.000VND – tối đa 100.000VND)
Chi Phí cấp lại bản sao chi tiết tài khoản	100.000VND/bản
Chi Phí vượt hạn mức tín dụng	100.000VND
Chi Phí cấp lại thẻ	Miễn phí
Chi Phí cấp lại số PIN	Miễn phí
Chi Phí in bản sao hóa đơn giao dịch	100.000VND/bản
Chi Phí thay đổi hạn mức tín dụng	100.000VND/yêu cầu
Chi Phí khiếu nại và yêu cầu kiểm tra	200.000VND trong trường hợp lỗi trong giao dịch là do Chủ Thẻ
Chi Phí quản lý áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ	2,5% số tiền trên mỗi giao dịch

C. TIỀN GỬI CÓ KỶ HẠN (VND VÀ NGOẠI TỆ)

Rút tiền mặt + Vào ngày đáo hạn	<ul style="list-style-type: none"> VND: miễn phí Ngoại tệ: bảng phí Rút Tiền Mặt Miễn phí nếu tiền gửi này đã duy trì được 3 tháng
+ Trước ngày đáo hạn (Ngân hàng sẽ tính phí rút trước kỳ hạn trong trường hợp lãi suất thị trường cho kỳ hạn còn lại cao hơn lãi suất hợp đồng ban đầu của khoản tiền gửi có kỳ hạn)	<ul style="list-style-type: none"> VND: Miễn phí Ngoại tệ: bảng phí Rút Tiền Mặt Miễn phí nếu tiền gửi này đã duy trì được 3 tháng
	Lãi suất được áp dụng là lãi suất của Tài Khoản Tiền Gửi Không Kỳ Hạn

D. CÁC LOẠI GIAO DỊCH CHUYỂN KHOẢN

1. Nhân tiến		
Trong nước	Ghi có vào tài khoản HSBC Việt Nam	Miễn phí
Từ nước ngoài	Ghi có vào tài khoản HSBC Việt Nam	Miễn phí
	Thanh toán bằng tiền mặt VND tại quầy	Miễn phí
2. Chuyển tiền bằng điện tín (dành cho khách hàng có tài khoản tại HSBC Việt Nam)		
2.1 Trong nước		
Giao dịch tại quầy		Miễn phí
Ngân Hàng Trực Tuyến		Miễn phí
2.2 Nước ngoài		
Phi chuyển tiền	Trong hệ thống Tập đoàn HSBC và người thụ hưởng là chủ tài khoản bằng hệ thống Global Transfer	Miễn phí
	Giao dịch tại quầy	0,22% (tối thiểu 550.000VND - tối đa 4.400.000VND)
	Ngân Hàng Trực Tuyến	0,11% (tối thiểu 220.000VND - tối đa 1.100.000VND)
Phi ngân hàng trung gian (trường hợp người chuyển thanh toán phi này)		440.000VND

3. Các loại phí khác	
Tra Soát/Sửa Đổi/Hủy bỏ lệnh chuyển tiền trong nước bằng Điện tín	55.000VND
Tra Soát/ Sửa Đổi/Hủy bỏ lệnh chuyển tiền nước ngoài bằng Điện tín hoặc Hối phiếu	1.100.000VND + chi phí phát sinh tại ngân hàng nước ngoài nếu có
* Lưu ý: Phi chuyển tiền đã bao gồm phí Ngân Hàng Khác và sẽ do người chuyển chịu	

E. GIAO DỊCH HỐI PHIẾU / SÉC

1. Séc	
1.1. Cung ứng séc	33.000VND/quyển
1.2. Thanh toán séc	
Người thụ hưởng đồng thời là người ký phát séc	VND: miễn phí Ngoại tệ: bảng phí Rút Tiền Mặt
Người thụ hưởng không phải là người ký phát séc	0,02% (tối thiểu 11.000VND - tối đa 1.100.000VND) + phí Rút Tiền Mặt (nếu có)
Hủy séc	11.000VND/tờ
2. Hối phiếu	
2.1 Phát hành hối phiếu (Khách hàng có tài khoản tại HSBC Việt Nam)	0,33% (tối thiểu 440.000VND) - tối đa 4.400.000 VND) + 440.000VND chi phí bưu điện (nếu có)
2.2 Thu hồi hối phiếu phát hành bởi Chi nhánh HSBC ở nước ngoài	1,1% (tối thiểu 440.000VND + 440.000VND chi phí bưu điện)

F. SÉC DU LỊCH

Đổi sang tiền mặt – Séc du lịch phát hành bởi HSBC		Miễn phí
Đổi sang tiền mặt – Séc du lịch phát hành bởi tổ chức khác	Ghi có vào tài khoản tại HSBC Việt Nam	0,55% (tối thiểu 110.000VND)
	Khách hàng có tài khoản tại HSBC (nhận tiền mặt)	1,1% (tối thiểu 165.000VND)
	Khách hàng không có tài khoản tại HSBC	2,2% (tối thiểu 220.000VND)

G. CÁC PHỤ PHÍ KHÁC

1. Fax	
Trong nước	55.000VND/trang
Ngoài nước	110.000VND/trang
2. Phát chuyển nhanh	
Trong nước	110.000VND/thu
Ngoài nước	
+ Phát hành bởi HSBC Việt Nam	440.000VND/thu
+ Các loại khác	880.000VND/thu
3. Cước bưu điện	
Trong nước	55.000VND/thu
Ngoài nước	110.000VND/thu
* Lưu ý: Tất cả các dịch vụ sẽ được tiến hành cẩn thận, tuy nhiên, Ngân hàng sẽ không chịu trách nhiệm về mọi sự mất mát, chậm trễ, sai trái, thiếu hụt hay hư hại có thể xảy ra trong quá trình chuyển chứng từ.	
4. Chi phí định kỳ (kiểm lập và chỉnh sửa)	220.000VND
5. Xác nhận của Ngân hàng Thông thường Khẩn	55.000VND/bản sao 110.000VND/bản sao
6. Chi Phí rút tiền mặt từ 500.000.000VND trở lên trong vòng 48 tiếng kể từ lúc gửi tiền	0,055% (tối đa 3.300.000VND)
7. Chi Phí xử lý chứng từ	Miễn phí
8. Điện phí	220.000VND
9. Chi Phí đổi tiền mặt VND không đủ tiêu chuẩn lưu thông	4% (tối thiểu 2.000VND)
10. Yêu cầu nhận tiền mặt trong trường hợp khẩn của khách hàng trong tập đoàn HSBC	Miễn phí
11. Phí tìm lại chứng từ (không áp dụng cho Thẻ tín dụng HSBC)	330.000VND
12. Tạm khóa tài khoản theo yêu cầu của chủ tài khoản	220.000VND/lần/tài khoản

Phát hành bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

Biểu phí đã bao gồm 10% thuế VAT và có thể thay đổi không báo trước
Biểu phí này được áp dụng từ 16/04/2012

HSBC Premier Tariff

A. DEMAND DEPOSIT ACCOUNT (VND & FOREIGN CURRENCIES)

Account opening within Vietnam	Free
Account closure within 12 months of opening	VND1,000,000
Minimum opening balance	VND1,000,000,000
Premier Service Fee	VND1,000,000 / per month (Charge only applies if Total Relationship Balance for the month falls below VND1,000,000,000)
Service charge if account has no transaction	
+ From 6 months to 12 months	VND50,000/month
+ More than 12 months	VND200,000/month

A1. CASH DEPOSITS

VND	Free
Foreign currency	Free

A2. CASH WITHDRAWALS

VND	Free
In Foreign Currency	
+ USD	0.22% (min VND44,000)
+ Other currencies	0.55% (min VND110,000)

A3. STATEMENT

Monthly e-statement for Internet Banking customers	Free
Monthly print statement for Non-Internet Banking customers	Free
Request for print interim statement via PhoneBanking Service or HSBC ATM machine	VND33,000/copy
Request for print statement – within 12 months	VND55,000/copy/statement cycle
Request for print statement – 12 months ago and above	VND110,000/copy/statement cycle and above

A4. HSBC PREMIER VISA PLATINUM DEBIT CARD

Annual fee	Free
Cash withdrawal transaction fee	
In Vietnam:	
+ HSBC ATMs and Techcombank ATMs	Free
+ VISA/PLUS network (*)	VND20,000/ transaction
Overseas:	
+ HSBC ATMs	Free
+ VISA/PLUS network (*)	VND60,000/ transaction
PIN replacement fee	Free
Sales slip retrieval fee	VND100,000/copy
Card replacement fee	Free
Dispute investigation fee	VND200,000 for dispute transaction found genuine
Administration fee applied for foreign currency transactions	2.5% of transaction amount

(*) Cash withdrawals at VISA/PLUS network might be subject to the additional charge of other banks.

A5. SELF SERVICE BANKING

5.1 PhoneBanking	Free
5.2 Internet Banking	Free
Security device replacement (lost or damaged)	
Dead battery	
+ Within Vietnam	Free
+ Overseas	VND440,000
Lost or damaged	
+ Within Vietnam	VND220,000
+ Overseas	VND550,000

B. HSBC PREMIER MASTERCARD CREDIT CARD

Annual Fee	
+ Primary Card	Free
+ Supplementary Card	Free
Cash advance fee at ATM	4% of cash advance amount, minimum VND50,000
Minimum payment due	5% of statement balance (minimum VND50,000) plus overdue amount
Finance charge (The finance charge may be changed from time to time in accordance with the local regulatory requirements)	2%/month (nil if no cash advance is used and the full statement balance is paid by due date each month).
Late charge	4% of minimum amount due (min VND50,000 – max VND100,000)
Duplicate statement	VND100,000/copy
Over credit limit fee	VND100,000
Card replacement fee	Free
PIN replacement fee	Free
Sales slip retrieval fee	VND100,000/copy
Change credit limit fee	VND100,000/request
Dispute investigation fee	VND200,000 for dispute transaction found genuine
Administration fee applied to foreign currency transaction	2.5% of transaction amount

C. TIME DEPOSIT (VND & FOREIGN CURRENCIES)

Cash withdrawal	
+ At maturity	<ul style="list-style-type: none"> VND: Free FCY: equals to Cash Withdrawal Fee Free if whole time life of the TMD passed 3 months
+ Pre-maturity (Break cost is applied when the market interest for the remaining time is higher than the original term deposit rate)	<ul style="list-style-type: none"> Free for VND FCY: equals to Cash Withdrawal Fee Free if whole time life of the TMD passed 3 months Lowest demand Interest rate will be applied.

D. REMITTANCES

1. Inward remittances		
<i>Inside Vietnam</i>	Credit to account with HSBC	Free
<i>From overseas</i>	Credit to account with HSBC	Free
	Withdraw in VND cash at counter	Free
2. Outward remittances (for HSBC Vietnam account holder)		
2.1 Inside Vietnam		
Paper-based		Free
Internet Banking		Free
2.2 Overseas		
Remittance fee	Within HSBC Group and the beneficiary is the account holder via Global Transfer	Free
	Paper-based	0.22% (min VND550,000 - max VND4,400,000)
	Internet Banking	0.11% (min VND220,000 - max VND1,100,000)
Overseas bank charge (in case charge type is "OUR")		VND440,000

3. Other fees	
Investigation/Amendment/Cancellation of inside Vietnam Outward remittance	VND55,000
Investigation/Amendment/Cancellation Of Overseas Outward Remittance/Demand draft	VND1,100,000 + overseas bank charge if any
* Note: The fee is included Other Bank Charges and shall be born by the remitter	

E. DEMAND DRAFT / CHEQUE

1. Cheque	
1.1 Cheque issuance	VND33,000/book
1.2 Cheque encashment	
The beneficiary is the drawer	VND: Free FCY: equals to Cash Withdrawal Fee
The beneficiary is not the drawer	0.02% (min VND11,000 - max VND1,100,000) + Cash Withdrawal Fee (if any)
Cheque cancellation	VND11,000/sheet
2. Demand Draft	
2.1 Demand Draft issuance (for HSBC account holder)	0.33% (min VND440,000 - max VND4,400,000) + VND440,000 courier charge (if any)
2.2 Outward collection (instrument drawn on HSBC offices overseas)	1.1% (min VND440,000) + VND440,000 courier charge
* Note: Related fees charged by other banks shall be born by customers	

F. TRAVELLER CHEQUE (TC)

Encashment – For TC issued by HSBC		Free
Encashment – For TC issued by other parties	Credit to account at HSBC Vietnam	0.55% (min VND110,000)
	Local or group's account holder (in cash)	1.1% (min VND165,000)
	Non HSBC account holder	2.2% (min VND220,000)

G. MISCELLANEOUS FEE

1. Fax	
In Vietnam	VND55,000/page
Overseas	VND110,000/page
2. Courier charges	
In Vietnam	VND110,000/letter
Overseas	VND440,000/letter
+ Issued by HSBC Vietnam	VND880,000/letter
+ Others	
3. Postage fee	
In Vietnam	VND55,000/letter
Overseas	VND110,000/letter
* Note: While all due care will be taken, the Bank accepts no responsibility for any loss, delay, error, omission or multination which may occur in the delivery of any document.	
4. Standing instruction (set-up and amendment)	VND220,000
5. Balance certificate	
Normal	VND55,000/copy
Urgent	VND110,000/copy
6. Cash withdrawal fee for amount from and above VND500,000,000 within 48 hours from the time of deposit	0.055% (max VND3,300,000)
7. Documentation processing fee	Free
8. Telex fee	VND220,000
9. Torn or bad VND notes exchange	4% (min VND2,000)
10. Emergency encashment for HSBC group customer	Free
11. Document retrieval (not applicable for HSBC Credit Card)	VND330,000
12. Account Blockade as account holder's request	VND220,000/time/account

Issued by HSBC Bank (Vietnam) Ltd.

All fees are inclusive of 10% VAT and may be changed without prior notice. This tariff is effective from 16 April 2012 onward